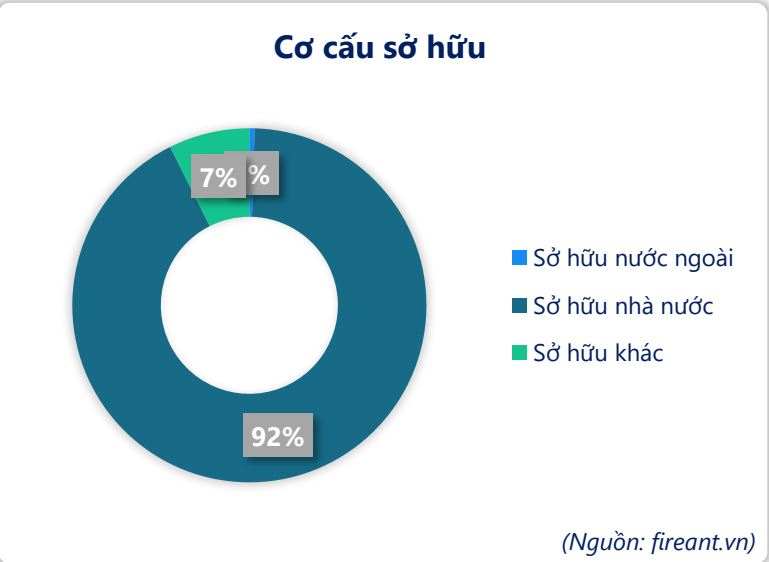
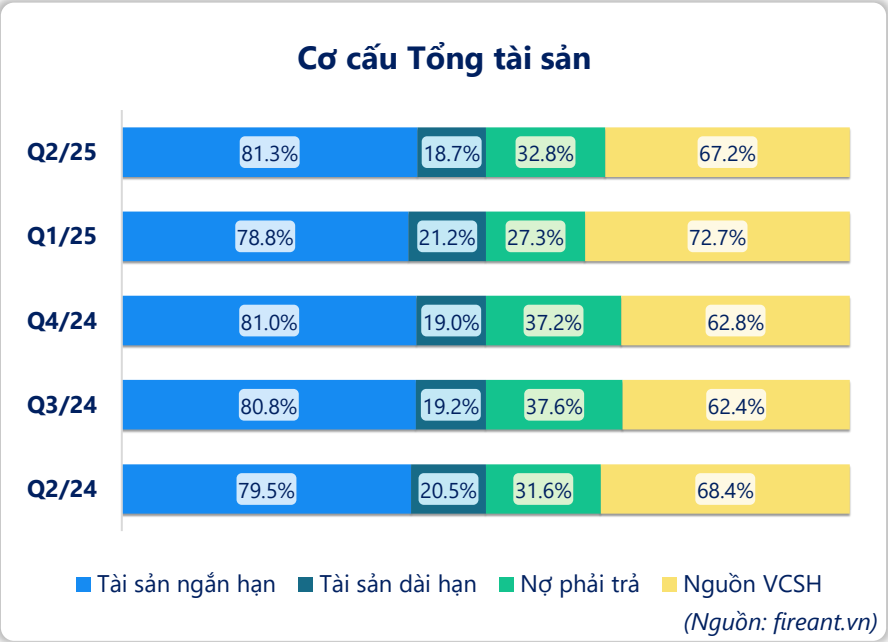
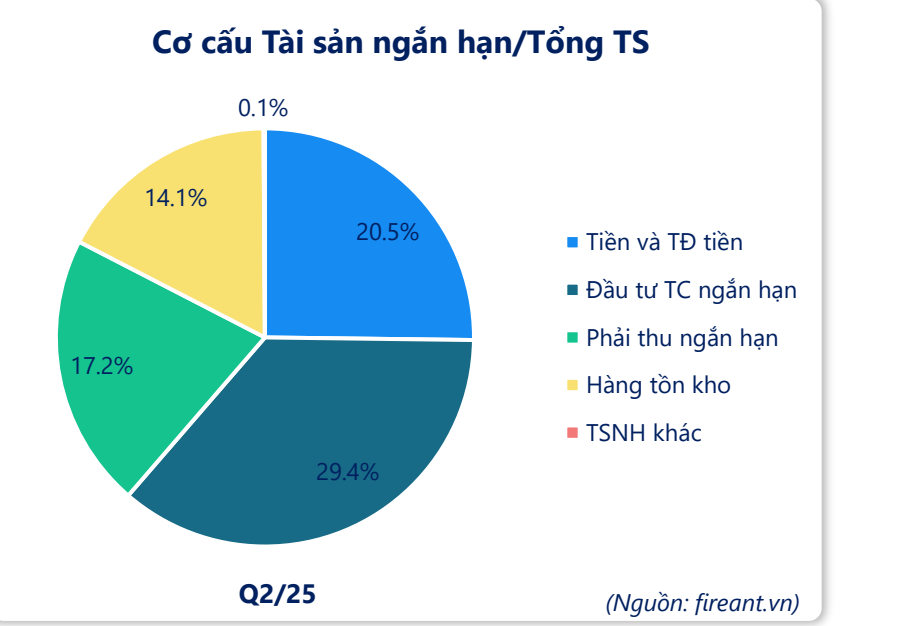
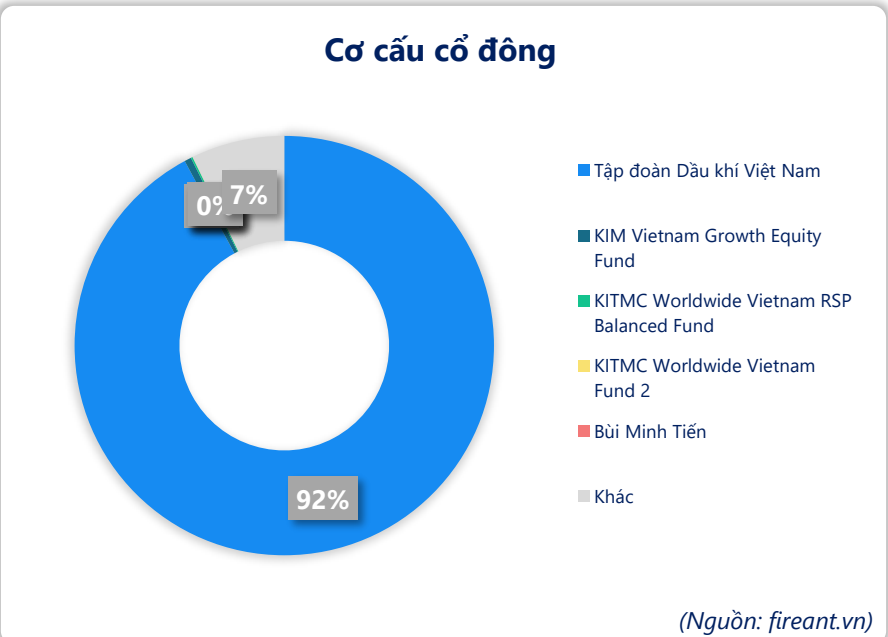
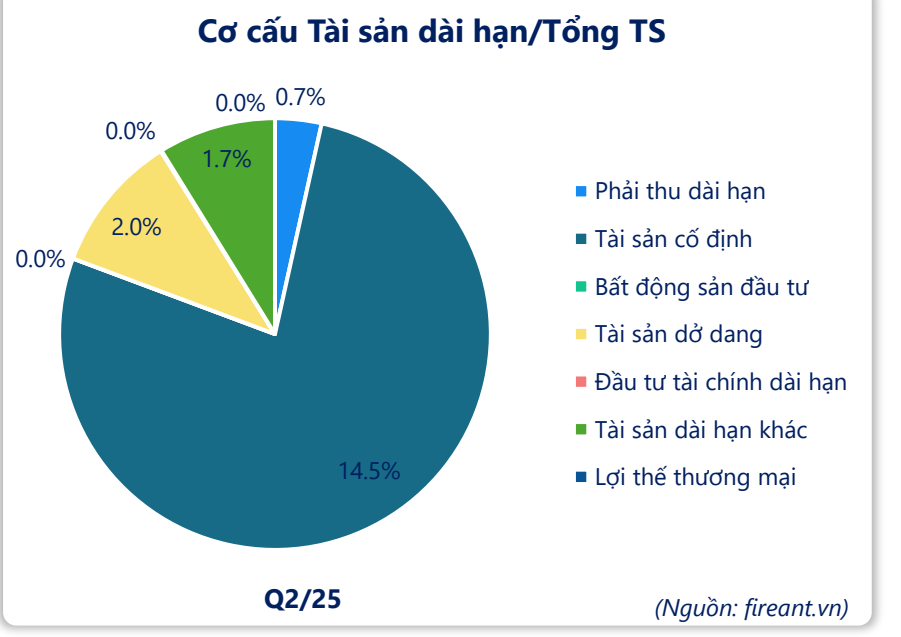
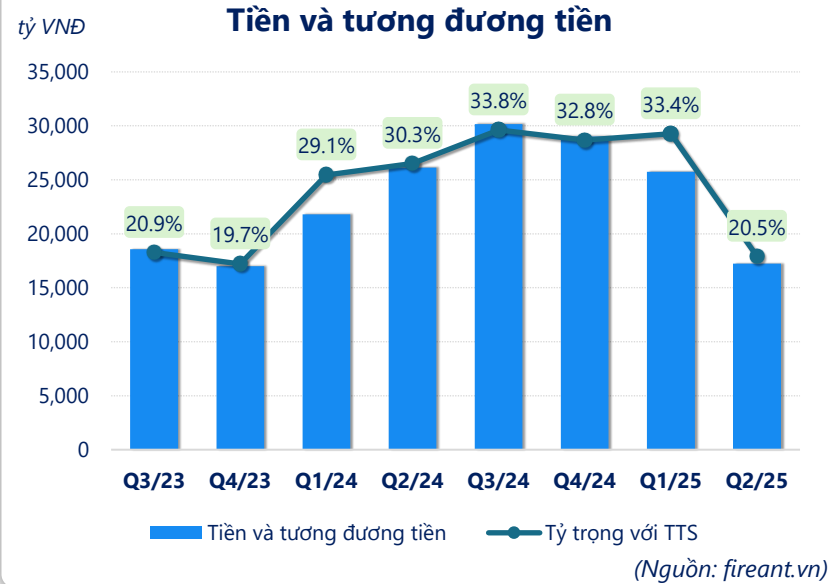
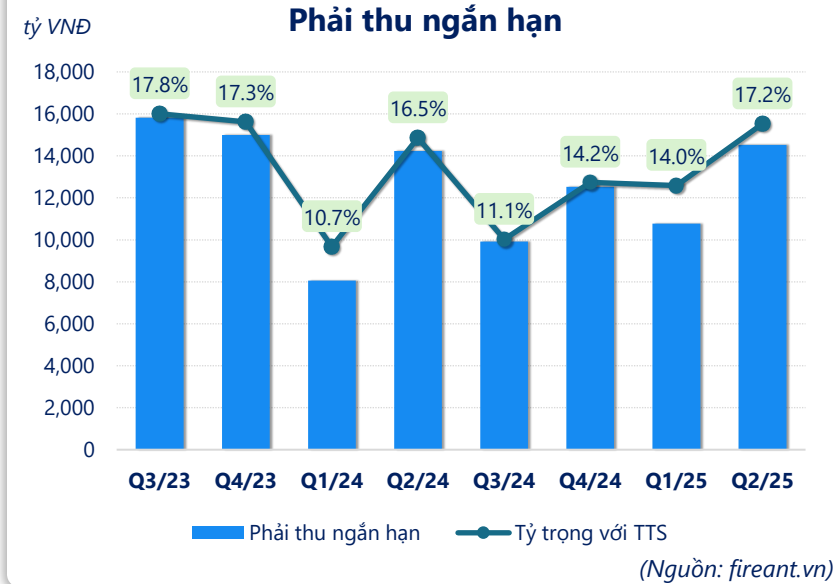
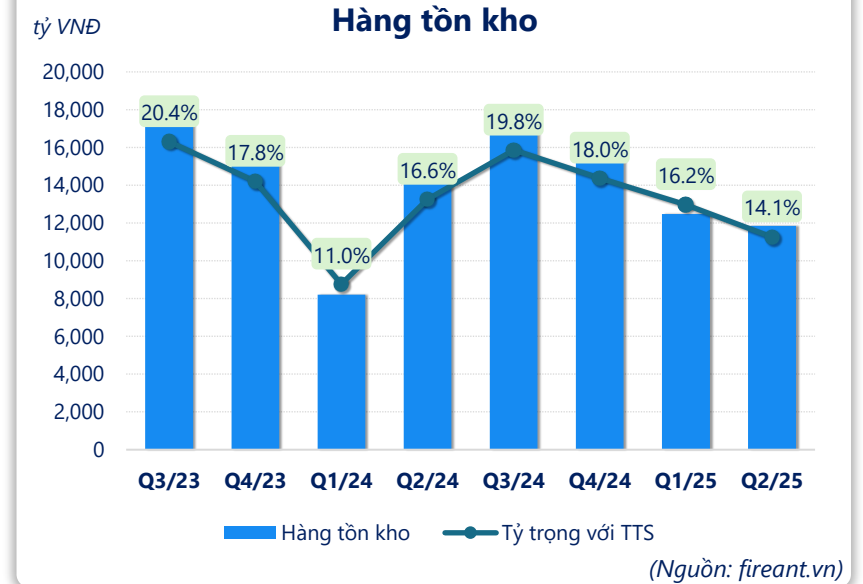
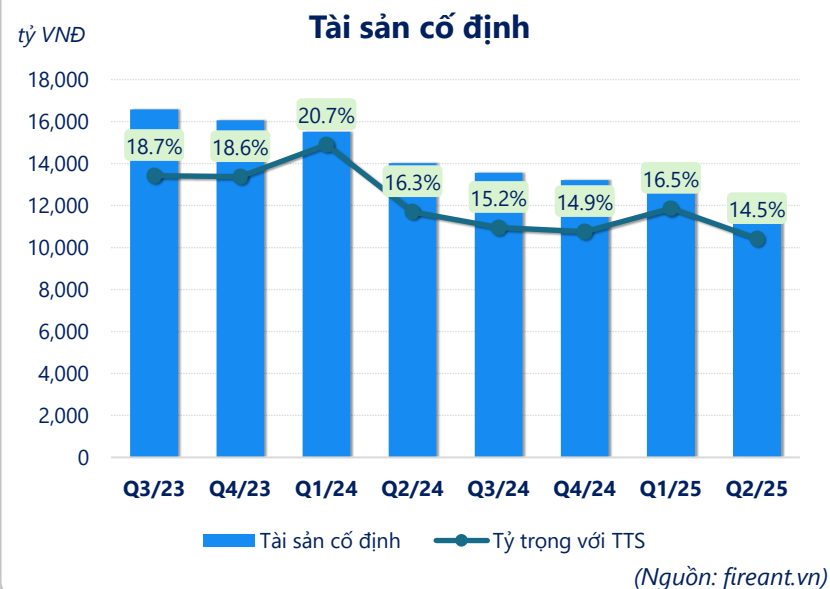
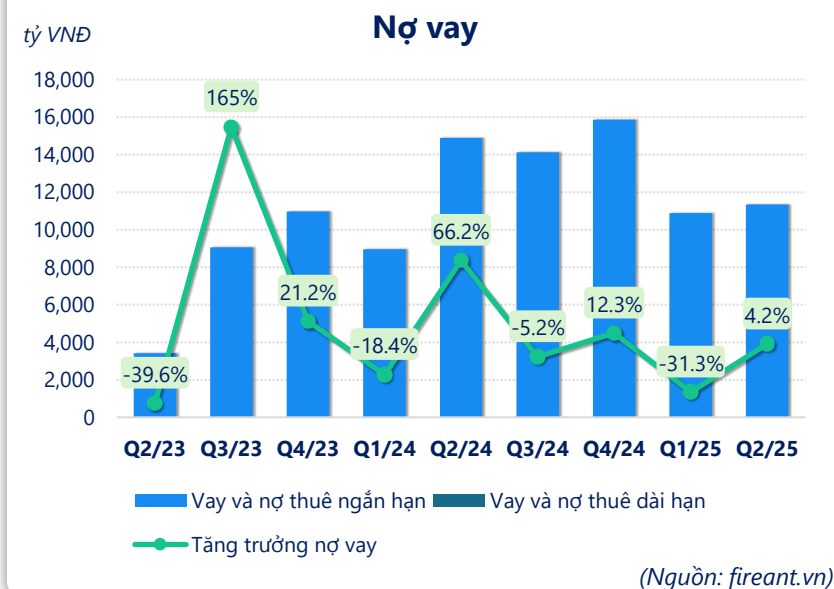
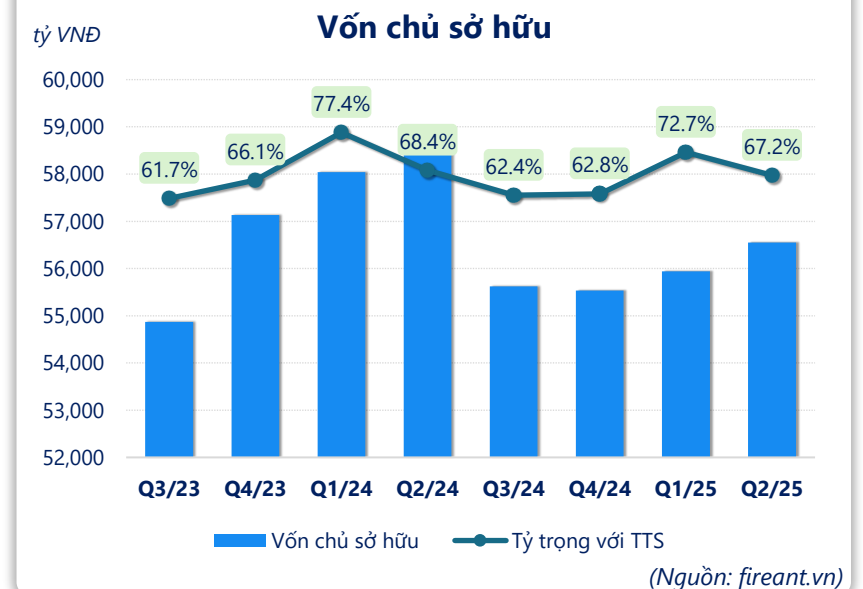
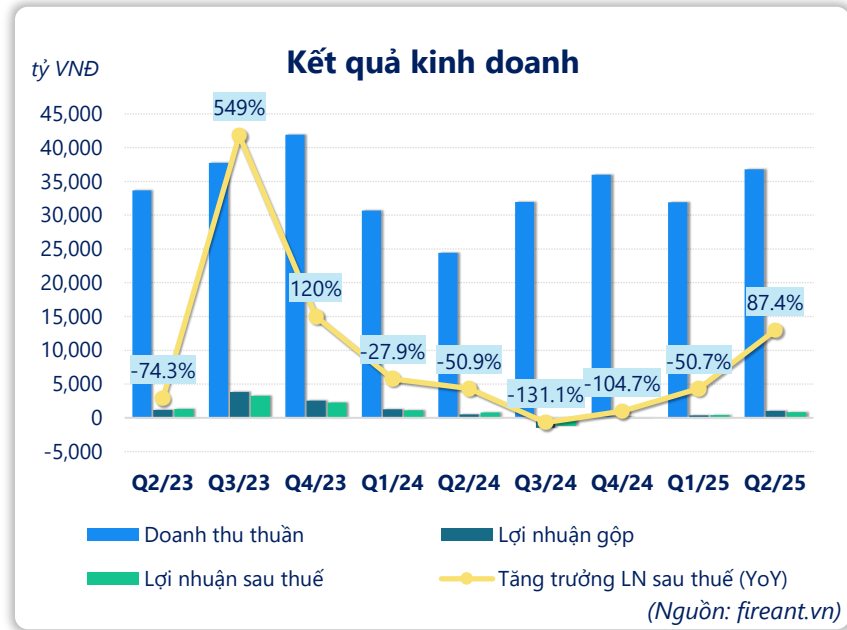
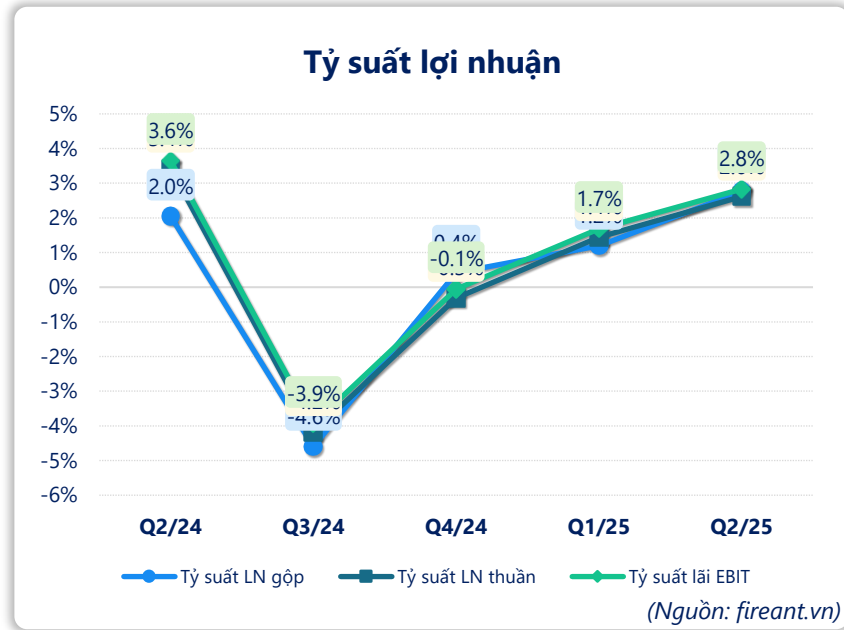
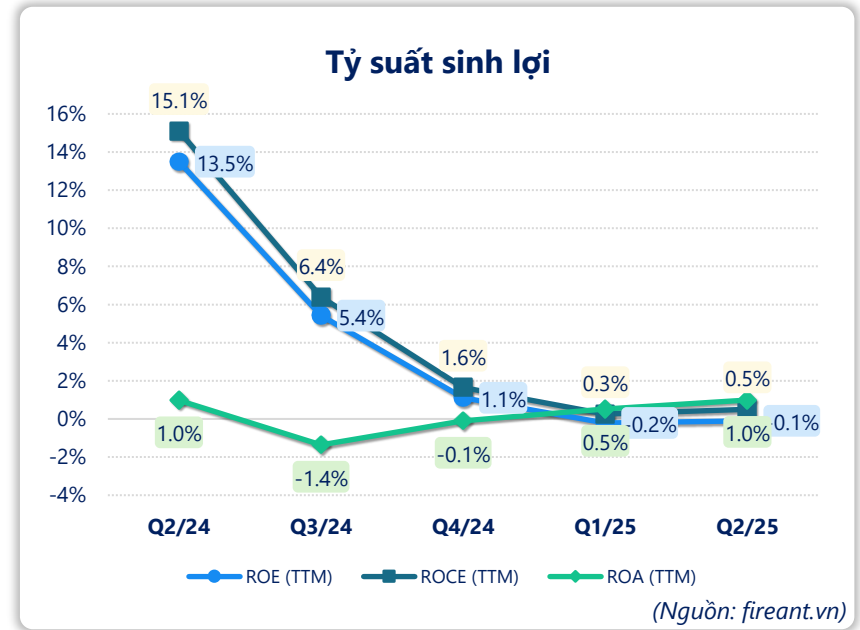
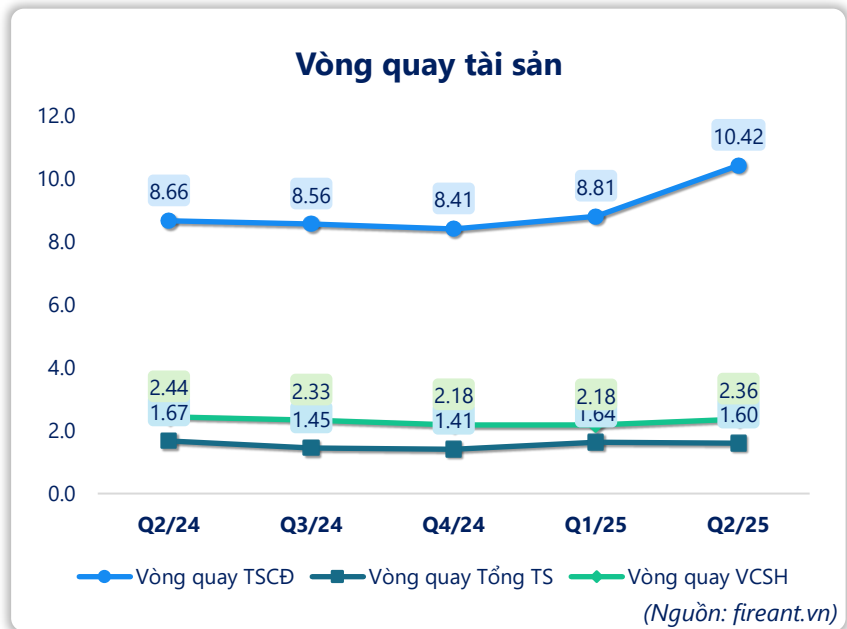
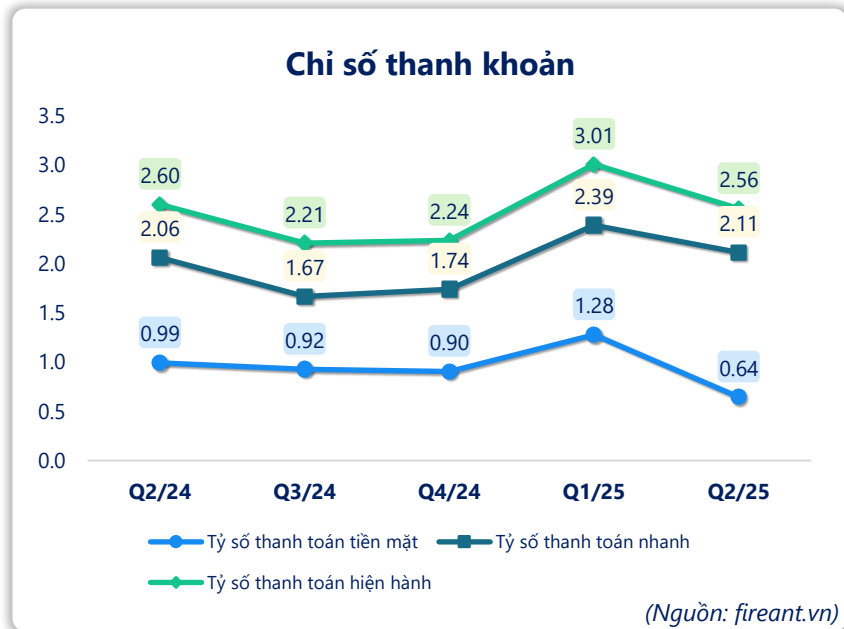
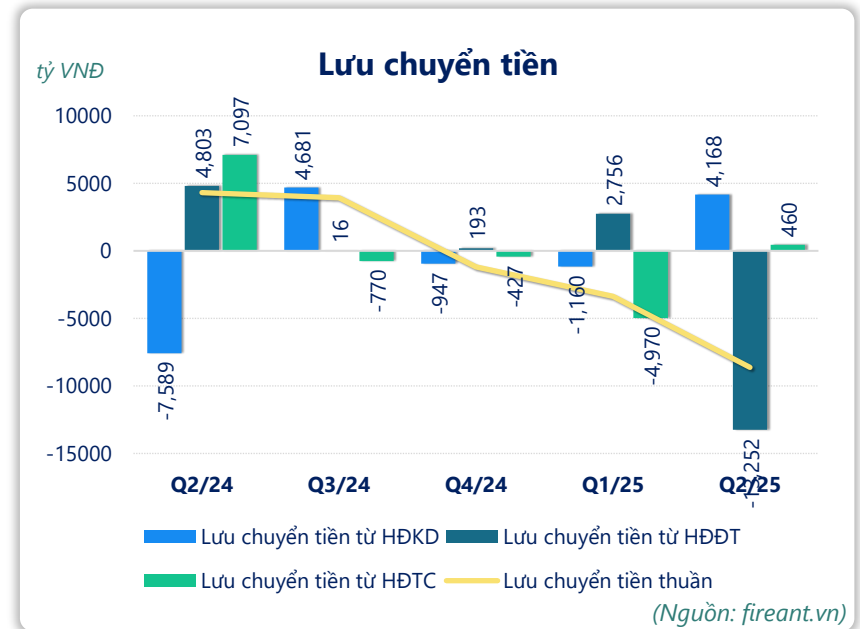


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		3,100,499,616
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,469,590
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		55,344
P/E		-994.9
EPS		-18

	YTD	1T	3T	6T
BSR	-21.4%	0.8%	-5.8%	-20.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	84,166	88,387	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	68,391	71,516	-4.4%
Tiền và tương đương tiền	17,233	28,995	-40.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24,722	14,022	76.3%
Phải thu ngắn hạn	14,515	12,457	16.5%
Hàng tồn kho	11,847	15,891	-25.5%
Tài sản ngắn hạn khác	73.8	150	-50.9%
Tài sản dài hạn	15,775	16,871	-6.5%
Phải thu dài hạn	548	549	-0.1%
Tài sản cố định	12,182	13,216	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,644	1,352	21.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	9.54	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1,391	1,745	-20.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27,619	32,849	-15.9%
Nợ ngắn hạn	26,757	31,984	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11,346	15,857	-28.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	12,157	14,473	-16.0%
Nợ dài hạn	862	865	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	56,547	55,538	1.8%
Vốn chủ sở hữu	56,547	55,538	1.8%
Vốn điều lệ	31,005	31,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	24,424	31,946	35,968	31,895	36,772
Giá vốn hàng bán	23,925	33,415	35,816	31,512	35,756
Lợi nhuận gộp	498	-1,470	152	382	1,016
Doanh thu HĐTC	746	554	410	465	445
Chi phí TC	138	125	280	103	122
Chi phí lãi vay	50.3	70.4	82.8	65.3	60.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	125	164	214	157	189
Chi phí QLDN	145	129	177	126	190
LN thuần từ HĐKD	836	-1,334	-110	461	961
Lợi nhuận khác	4.36	4.97	7.94	10.3	20.1
LN trước thuế	840	-1,329	-102	472	981
Lợi nhuận sau thuế	769	-1,209	-89.1	399	847
LNST của CĐ cty mẹ	782	-1,210	-89.8	399	846

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7,589	4,681	-947	-1,160	4,168
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4,803	16.0	193	2,756	-13,252
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7,097	-770	-427	-4,970	460
Tiền đầu kỳ	21,813	26,142	30,159	28,995	25,745
Lưu chuyển tiền thuần	4,311	3,927	-1,181	-3,374	-8,624
Ảnh hưởng tỷ giá	18.8	90.6	16.6	124	113
Tiền cuối kỳ	26,142	30,159	28,995	25,745	17,233

(Nguồn: fireant.vn)